ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4282 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 28 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương đầu tư dự án Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7968/SXD-HĐXD ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc phê duyệt dự án Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

3. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Tiến Đạt.

4. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên Trường THPT Triệu Sơn 3, xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn.

5. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình dân dụng, cấp III.

6. Số bước thiết kế: 01 bước.

7. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 7858/SXD-HĐXD ngày 18/10/2024.

8. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

8.1. Hạng mục: Nhà hiệu bộ.

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 3 tầng, tổng diện tích sàn 1.110 m^2. Chiều cao công trình là 14,25 m (tính từ cao độ mặt sân hoàn thiện đến cao độ đỉnh mái), cao độ nền tầng 1 cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,45 m, trong đó tầng 1 cao 3,9 m, tầng 2, 3 cao 3,6 m, mái lợp tôn cao 2,7 m. Mặt bằng tầng 1 bố trí 06 phòng chức năng và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt; mặt bằng tầng 2 bố trí 04 phòng chức năng và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt; mặt bằng tầng 3 bố trí 05 phòng chức năng và khu vệ sinh nam nữ riêng biệt. Giao thông đứng trong công trình bằng 02 thang bộ, giao thông ngang bằng hành lang trước rộng 2,4 m.

Nền, sàn phòng, hành lang các tầng lát gạch granite kích thước (600x600) mm, nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước (300x300) mm; bậc tam cấp sảnh, thang bộ ốp đá granite tự nhiên, đường dốc lát đá vát chéo tạo gờ. Tường xây gạch không nung, trát lăn sơn trực tiếp 03 nước, tường khu vệ sinh, phòng y tế ốp gạch granite kích thước (300x600) mm. Các phòng vệ sinh đóng trần thạch cao chống ẩm. Mái xây tường thu hồi, gác xà gồ lợp tôn chống nóng; sê nô quét chống thấm, láng vữa tạo dốc; mái sảnh chống thấm, lát gạch granite. Hệ thống cửa đi, cửa sổ, vách kính sử dụng cửa nhôm hệ, pa nô kính dày 6,38 mm; hoa sắt cửa sổ bằng sắt hộp sơn tĩnh điện.

Thiết bị nội thất cho các phòng gồm: Bàn, ghế, tủ, giường phòng y tế, nội thất phòng họp, hệ thống rèm chắn nắng.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng băng giao thoa BTCT đá 1x2 M250 trên nền đất tự nhiên, bề rộng móng điển hình 1,4 m, 1,6 m. Tường móng xây gạch đặc không nung, giằng tường BTCT M250. Phần thân sử dụng kết cấu khung BTCT chịu lực; hệ cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 M250 đổ tại chỗ, toàn khối. Tiết diện dầm điển hình (220x350) mm; (220x550) mm. Tiết diện cột điển hình (220x220) mm, (220x350) mm. Sàn BTCT dày 120 mm, bản thang BTCT dày 120 mm.

c) Giải pháp cấp điện, mạng lan, chống sét:

- Nguồn điện chính cấp cho công trình được đấu nối từ tủ điện tổng nhà đa năng (hiện trạng) đến tủ điện tổng của công trình bằng cáp ngầm luồn trong ống nhựa gân xoắn HDPE. Nguồn dự phòng được cấp từ máy phát điện dự phòng qua bộ chuyển nguồn tự động ATS, từ tủ điện tổng phân phối đến các tủ điện tầng sau đó dẫn đến các thiết bị sử dụng điện, hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa, hệ thống điện được nối đất an toàn bằng hệ cọc tiếp địa mạ kẽm.

- Hệ thống mạng intenet từng tầng được phân phối từ modem tổng đến bộ chia mạng (switch) từng tầng, cung cấp tín hiệu mạng đến các thiết bị bằng bộ phát wifi và các hạt lan trên tường, cáp lan được đi ngầm tường trong ống gen.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) Giải pháp cấp, thoát nước, PCCC:

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được đấu nối từ nguồn cấp nước sạch hiện có đưa vào bể nước ngầm sau đó được bơm lên téc nước đặt trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước: Nước thải từ các xí, tiểu thoát theo các tuyến ống riêng dẫn vào bể tự hoại để xử lý trước khi thoát ra hệ thống rãnh thoát nước bên ngoài. Nước thải từ phễu sàn, lavabo, nước mưa trên mái được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Hệ thống rãnh thoát nước B400 kết hợp hố ga ngoài nhà, bể nước ngầm, bể tự hoại được thiết kế đồng bộ kèm theo.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình gồm: Hệ thống báo cháy, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn exit, hệ thống tủ đựng bình chữa cháy đặt tại thang bộ các tầng, bộ nội quy chữa cháy.

e) Giải pháp phòng chống mối: Chống mối cho công trình bằng phương pháp đào hào trong, hào ngoài, mặt nền bằng phương pháp trộn thuốc phòng mối với đất theo tỷ lệ quy định sau đó lấp đất xuống hào, rải đều mặt nền công trình.

8.2. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật.

- San nền: San nền cục bộ khu vực ao hiện trạng, trước nhà hiệu bộ theo phương pháp đường đồng mức, khối lượng san nền được tính theo phương pháp lưới ô vuông kích thước (10x10) m, vật liệu san nền bằng đất đắp đầm chặt, trước khi san nền tiến hành vét bùn ao, đất hữu cơ.

- Sân nội bộ: Sân phía trước nhà hiệu bộ lát gạch tezzaro kích thước (400x400) mm, sân phía sau đổ bê tông đá 1x2 M200, dày 10 cm.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

9. Tổng mức đầu tư (làm tròn)**: 10.750.000.000** đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	7.815.867.467	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	941.718.960	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	222.303.925	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	832.575.309	đồng;
- Chi phí khác	:	141.233.537	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	796.295.936	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

10. Thời gian thực hiện: Năm 2024 - 2026.

11. Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh bố trí 70% tổng mức đầu tư dự án từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; phần còn lại 30% do ngân sách huyện Triệu Sơn đảm bảo.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7968/SXD-HĐXD ngày 22/10/2024.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,…) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Triệu Sơn theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lưu: VT, $CN_{HĐXD_TM.99}$

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**7.191.877.419**	**623.990.048**	**7.815.867.467**
II	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**	**871.962.000**	**69.756.960**	**941.718.960**
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	**222.303.925**		**222.303.925**
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	**771.863.784**	**60.711.525**	**832.575.309**
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo KTKT	390.732.407	31.258.593	421.991.000
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát	1.821.296	145.704	1.967.000
3	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT	47.751.852	3.820.148	51.572.000
4	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	17.979.694	1.438.375	19.418.069
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	31.068.910	2.485.513	33.554.423
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị	3.200.101	256.008	3.456.109
7	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)	15.631.735		15.631.735
8	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư, thiết bị (Nghị định số 24/2024/NĐ-CP)	1.883.438		1.883.438
9	Chi phí thẩm định giá	18.181.818	1.818.182	20.000.000
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	236.253.173	18.900.254	255.153.427
11	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	7.359.359	588.749	7.948.108
V	**CHI PHÍ KHÁC**	**135.145.586**	**6.087.950**	**141.233.537**
1	Chi phí bảo hiểm công trình (phụ lục III, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP)	5.753.502	575.350	6.328.852
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư số 28/2023/TT-BTC + số 43/2024/TT-BTC)	765.938		765.938

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	20.855.000		20.855.000
4	Chi phí kiểm toán độc lập (Nghị định số 99/2021/NĐ-CP)	68.907.500	5.512.600	74.420.100
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng (Thông tư số 10/2021/TT-BXD)	38.863.647		38.863.647
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**			**796.295.936**
1	*Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh*			497.684.960
2	*Dự phòng cho yếu tố trượt giá*			298.610.976
	TỔNG CỘNG:			**10.749.995.133**
	LÀM TRÒN			**10.750.000.000**